

Số: /BC-UBND

TP. Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận

a) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, trong kỳ UBND thành phố đã ban hành 18 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật, gồm 05 kế hoạch, 13 Công văn chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (*chi tiết tại Biểu mẫu số 1 kèm theo*). Qua đó, đã chỉ đạo Chủ tịch UBND xã, phường triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2021/TT-BTP tại địa phương; chỉ đạo và đề nghị các cơ quan là thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và tham mưu, giúp Chủ tịch UBND thành phố đánh giá, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc trách nhiệm và phạm vi quản lý. Đồng thời, chỉ đạo Phòng Tư pháp thường xuyên thông tin, hướng dẫn và đôn đốc UBND xã, phường thực hiện nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, qua đó Phòng Tư pháp đã ban hành 09 văn bản (02 kế hoạch, 07 công văn)¹ và trong quá trình thực hiện

¹ Công văn số 04/TP ngày 06/01/2022 về việc khẩn trương gửi hồ sơ đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021; Công văn số 76/TP ngày 20/4/2022 về việc xây dựng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và phân công công chức theo dõi, tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Công văn số 80/TP ngày 28/4/2022 về việc góp ý dự thảo Quyết định của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025; Công văn số 06/TP ngày 11/01/2023 về việc chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 01/KH-TP ngày 31/01/2023 về việc chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Công văn số 91/TP ngày 28/4/2023 hướng dẫn tài liệu đánh giá và báo cáo nội dung Tiêu chí 16 (về Tiếp cận pháp luật thuộc Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025) Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh; Công văn số 116/TP ngày 05/6/2023 về việc giới thiệu Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn tiếp cận pháp luật; Công văn số 279/TP ngày 30/11/2023 về việc đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai mô hình điển hình về

nhiệm vụ, Phòng Tư pháp thường xuyên hướng dẫn xã, phường các nội dung liên quan đến nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tài liệu đánh giá, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu, hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

Trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của UBND thành phố, UBND các xã, phường² đã ban hành 77 văn bản (75 kế hoạch, 01 công văn, 01 quyết định) triển khai thực hiện tại địa phương.

b) Quán triệt, tập huấn, truyền thông, xây dựng và phát hành tài liệu kỹ năng, nghiệp vụ về đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

UBND thành phố đã tổ chức Hội nghị tập huấn, quán triệt quy định về xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2021/TT-BTP cho 130 đại biểu là thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố và đại diện lãnh đạo UBND, cán bộ, công chức xã, phường được phân công theo dõi, tham mưu thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đồng thời cử lãnh đạo Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch của 23 xã, phường phụ trách công tác tiếp cận pháp luật tại địa phương tham gia hội nghị tập huấn, quán triệt quy định về xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Sở Tư pháp tổ chức (tại Công văn số 1102/UBND-NC ngày 07/4/2022³) và đề nghị, cử đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch của 23 xã, phường phụ trách công tác tiếp cận pháp luật tại địa phương tham gia hội nghị tập huấn cử nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Bộ Tư pháp tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi (tại Thông báo số 561/TB-UBND ngày 23/5/2023⁴).

Thông tin, truyền thông về “Những quy định mới về xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ ngày 01/01/2022”, “Hội nghị tập huấn quy định về xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”, Quyết định công nhận và Danh sách 22/23 xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022, 23/23 xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên Trang tin thông tin điện tử của HĐND và UBND thành phố.

PBGDPL và mô hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả; Công văn số 07/TP ngày 15/01/2024 về việc chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-TP ngày 19/3/2024 Tổ chức tập huấn chuyên sâu một số kỹ năng về tiếp cận thông tin và phổ biến một số nội dung về tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật cho người dân, truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

² Số liệu tại báo cáo này tổng hợp trên cơ sở báo cáo của 18/23 UBND xã, phường: Tịnh Hòa, Nghĩa Phú, Tịnh Khê, Tịnh Thiện, Quảng Phú, Nghĩa An, Chánh Lộ, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nghĩa Dũng, Tịnh Kỳ, Nghĩa Đông, Nghĩa Lộ, Trần Hưng Đạo, Nghĩa Hà, Nguyễn Nghiêm, Trương Quang Trọng, Tịnh Ấn Tây; 5/23 xã, phường còn lại không gửi báo cáo.

³ Về việc tham dự Hội nghị tập huấn, quán triệt thực hiện quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

⁴ Về thời gian, địa điểm tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Bộ Tư pháp tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi.

Chỉ đạo Phòng Tư pháp biên soạn 13 tình huống tiếp cận pháp luật để đăng tải trên Trang tin thông tin điện tử của HĐND và UBND thành phố và thông tin, cấp phát Sổ tay hướng dẫn thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật do Sở Tư pháp biên soạn cho lãnh đạo và công chức Tư pháp – Hộ tịch tại 23 xã, phường trên địa bàn.

c) Tổ chức kiểm tra, triển khai giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

Trên cơ sở theo dõi, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các địa phương, ngày 19/4/2022, UBND thành phố có Báo cáo số 125/BC-UBND về những vướng mắc, khó khăn trong đánh giá xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi gửi Sở Tư pháp và đã được hướng dẫn, tháo gỡ tại Hội nghị tập huấn nêu trên và tại Công văn số 877/STP-PBGDPL ngày 10/8/2022 của Sở Tư pháp. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện Phòng Tư pháp và UBND xã, phường thường xuyên trao đổi, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc thông qua điện thoại, zalo và tổng hợp, tham vấn ý kiến của Sở Tư pháp (thông qua báo cáo công tác tư pháp định kỳ).

Trong quá trình tiếp nhận, rà soát và thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022, 2023, Phòng Tư pháp và Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố đã kiểm tra, tham gia ý kiến đối với việc thực hiện nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các xã, phường. Qua đó, các đơn vị đã trao đổi, hướng dẫn UBND xã, phường từng bước khắc phục những khó khăn, hạn chế trong triển khai thực hiện.

d) Bố trí nguồn lực thực hiện

- UBND thành phố đã bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, cụ thể:

+ Ngày 24/02/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định số 620/QĐ-UBND thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; ngày 21/3/2024, ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật. Đến nay, Hội đồng này gồm: 11 thành viên, do Chủ tịch UBND thành phố là Chủ tịch Hội đồng, Trưởng Phòng Tư pháp và lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Phó Chủ tịch Hội đồng, đại diện lãnh đạo 03 cơ quan: Công an thành phố, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy và 05 cơ quan chuyên môn (Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Thanh tra thành phố, Phòng Nội vụ) có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật làm Ủy viên Hội đồng và 01 thư ký là công chức Phòng Tư pháp, đảm bảo về thành phần theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTP; Chủ tịch Hội đồng ban hành Thông báo số 105/TB-HĐTCPL ngày 05/7/2022 phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố Quảng Ngãi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, trách

nhiệm và phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị đối với các tiêu chí, chỉ tiêu chuẩn tiếp cận pháp luật theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

+ Trong kỳ, UBND thành phố đã bố trí kinh phí cho công tác đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại thành phố số tiền là 40.000.000 đồng.

- UBND các xã, phường đã phân công công chức Tư pháp – Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp UBND, Chủ tịch UBND xã, phường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện; phân công từ 5 đến 7 công chức chuyên môn, cán bộ theo dõi thường xuyên, tham mưu thực hiện và chấm điểm, đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật của địa phương và đã đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ này tại địa phương. Trong kỳ, UBND các xã, phường đã bố trí 670.630.000 đồng (trong đó: ngân sách nhà nước thường xuyên: 662.630.000 đồng, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 8.000.000 đồng) cho nhiệm vụ chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương (bao gồm cả kinh phí cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở, v.v...).

(Chi tiết kinh phí tại Biểu mẫu số 02 kèm theo)

2. Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật

a) Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Ngày 09/02/2023, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 524/QĐ-UBND công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận năm 2022, công nhận 22/23 đơn vị xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và 01 đơn vị chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, lý do: vi phạm điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg lý do: vi phạm điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (trong năm 2022, Chủ tịch UBND phường bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ); ngày 05/02/2024, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 407/QĐ-UBND công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận năm 2023, công nhận 23/23 đơn vị xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đồng thời công bố các Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của HĐND và UBND thành phố.

(chi tiết tại Biểu mẫu số 03)

b) Kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ Tiêu chí quốc gia xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025

Trong kỳ, UBND thành phố đã phân công, chỉ đạo Phòng Tư pháp theo dõi, hướng dẫn và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định để thẩm tra kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn đối với Tiêu chí 16 Tiếp cận pháp luật (thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025) đối với 04 xã: Tịnh Kỳ (tại Công văn số 141/TP ngày 28/6/2023), Tịnh Châu (tại Công văn số 168/TP ngày 25/7/2023), Tịnh Ân Tây (tại Công văn số 180/TP ngày 14/8/2023), Tịnh Khê (tại

Công văn số 181/TP ngày 15/8/2023); 04 xã này đã được Sở Tư pháp đánh giá, xác nhận đạt Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật, cụ thể: Tỉnh Châu tại Công văn số 1527/STP-PBGDPL ngày 26/10/2023, Tỉnh Kỳ tại Công văn số 1628/STP-PBGDPL ngày 14/11/2023, Tỉnh Khê tại Công văn số 86/STP-PBGDPL ngày 15/01/2024, Tỉnh Ân Tây tại Công văn số 144/STP-PBGDPL ngày 29/01/2024.

(chi tiết tại Biểu mẫu số 04 kèm theo)

c) Việc thu hồi, hủy bỏ quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Đến nay, trên địa bàn thành phố chưa có trường hợp xã, phường bị thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Các mô hình, giải pháp, sáng kiến đã được áp dụng

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố đã tích cực xây dựng, triển khai các mô hình, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật nói chung và các mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hiệu quả nói riêng tại địa phương. Kết quả: đến nay, có 22 mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật tại 11 xã, phường và 10 mô hình hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả tại 10 xã được Chủ tịch UBND thành phố tặng Giấy khen và khuyến khích, nhân rộng.

(Chi tiết tại Biểu mẫu số 05 kèm theo)

đ) Tác động, hiệu quả của việc đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Công tác đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã được UBND thành phố chú trọng chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc; thường xuyên và kịp thời hướng dẫn, trao đổi tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc theo quy định pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ; đa số địa phương đã quan tâm thực hiện, lấy người dân làm trung tâm trong việc đánh giá, gắn việc đánh giá với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh góp phần tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở và vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kết quả số lượng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 cao hơn năm 2022.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Được sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Tư pháp và Thành ủy, UBND thành phố đã triển khai đồng bộ, thống nhất Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP trên địa bàn, từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác xây dựng, đánh giá, công

nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thúc đẩy tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và phát huy dân chủ ở cơ sở.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

a) Về tổ chức triển khai thực hiện:

- Phần lớn các xã, phường phân công công chức theo dõi, tham mưu thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tuy nhiên, công tác phối hợp trong việc chuẩn bị tài liệu đánh giá, chấm điểm chưa chặt chẽ, một số công chức chưa phát huy và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình vẫn còn trường hợp xem đây là nhiệm vụ của công chức Tư pháp – Hộ tịch nên ảnh hưởng đến thời hạn nộp hồ sơ đề nghị và chất lượng, kết quả đánh giá.

- Công chức Tư pháp – Hộ tịch được giao tham mưu chính trong thực hiện nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tuy nhiên khối lượng công việc của đội ngũ này hiện nay tương đối nhiều, từ năm 2021 đến nay, có nhiều nhiệm vụ mới phát sinh hoặc thực hiện định kỳ như việc triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, thủ tục hành chính, Đề án 06, tổng kết 10 năm Luật Hòa giải ở cơ sở, thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 – 2023, việc đẩy mạnh triển khai thực hiện nộp hồ sơ TTHC bằng hình thức toàn trình cùng với việc vận động, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thanh toán không dùng tiền mặt..., có những công việc tốn rất nhiều thời gian như: Số hóa hồ sơ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực, hộ tịch; vào các loại Sổ, nhập các Phần mềm chứng thực, hộ tịch... nhưng nhiều địa phương chỉ có một công chức Tư pháp – Hộ tịch, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công tác tham mưu, kết quả thực hiện nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Việc triển khai thực hiện tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật tuy đã được hướng dẫn tại Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhưng do mới triển khai thực hiện và một số tiêu chí yêu cầu cao (như tỷ lệ hòa giải thành đạt 90% trở lên, Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật” theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt điểm tối đa...) nên khi áp dụng, tổ chức triển khai thực hiện nhiều địa phương vẫn còn lúng túng, áp lực cao.

b) Về phương pháp và cách thức thực hiện:

Vẫn còn thực hiện theo phương pháp truyền thống là chủ yếu, đánh giá dựa trên hồ sơ giấy hoặc Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND thành phố và các ứng dụng của Microsoft Word, Excel...chưa có Phần mềm đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật chung do tỉnh, Bộ Tư pháp triển khai thực hiện, do đó làm mất nhiều thời gian và chưa phát huy tối đa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Về hướng dẫn thực hiện:

Một số nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc không phản ánh được hiệu quả; yêu cầu cung cấp nhiều tài liệu đánh giá, gây khó khăn trong công tác tập hợp, lưu trữ, chưa phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tế của chính quyền cơ sở, cụ thể:

- Về mốc thời gian lấy số liệu đánh giá: không thống nhất giữa các tài liệu đánh giá, cụ thể:

Tài liệu đánh giá một số chỉ tiêu, tiêu chí gồm một số báo cáo liên quan như: báo cáo công tác PBGDPL; báo cáo kết quả về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo; quyết định công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; thời điểm chốt số liệu của những báo cáo, quyết định này, cụ thể: báo cáo công tác PBGDPL theo yêu cầu của Sở Tư pháp tại các Kế hoạch PBGDPL hàng năm **trước ngày 15/11**; báo cáo kết quả về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo: **“Báo cáo hằng năm: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo”** theo điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ; quyết định công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”: mốc thời gian đánh giá **“từ ngày 16 tháng 11 năm trước đến ngày 15 tháng 11 năm sau”** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 124/2021/TT-BCA là không thống nhất mốc thời gian đánh giá với quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg **“Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hàng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá”** gây khó khăn cho UBND xã, phường trong công tác tổng hợp kết quả việc thực hiện nhiệm vụ của từng lĩnh vực làm cơ sở đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí.

- Chỉ tiêu 1, tiêu chí 1 gồm 02 nội dung: (1) “Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá”; (2) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể đối với từng nội dung này để phù hợp với thực tế tại các địa phương, cụ thể:

+ Việc ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá thì có tính đối với trường hợp giao xử lý văn bản (theo khoản 1 Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015) hay không. Ví dụ: Trong năm 2023, theo điểm c khoản 2 Điều 35 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, UBND phường A được giao ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật là Quyết định ban hành Quy chế dân chủ ở phường; Quyết định ban hành Quy chế dân chủ ở phường này thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền của Phòng Tư pháp trong năm 2023, qua kiểm tra Phòng Tư pháp phát hiện Quyết định này có nội dung trái với quy định pháp luật theo khoản 2 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi thành Luật

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và kiến nghị UBND phường A thực hiện rà soát và xử lý theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Thời hạn xử lý Quyết định này của UBND phường A theo khoản 1 Điều 125 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP là trong năm 2023*). Như vậy, trường hợp này xác định trong năm 2023, UBND phường A được giao ban hành 01 hay 02 văn bản?

+ Việc ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá thì có tính đối với trường hợp sau kết luận kiểm tra theo thẩm quyền của Phòng Tư pháp, Phòng Tư pháp phát hiện và kiến nghị xử lý văn bản này có nội dung trái với quy định pháp luật theo khoản 2 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) hay không. Ví dụ: Trong ví dụ nêu trên, UBND phường A có bị trừ điểm đối với nội dung 2 chỉ tiêu 1, tiêu chí 1 không?

- Theo hướng dẫn tại Mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP, tài liệu đánh giá Chỉ tiêu 2 Tiêu chí 1 (Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân) là: (1) Các văn bản hành chính do chính quyền cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản hành chính cho chính quyền cấp xã (nếu có); (2) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính; đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân (nếu có). Theo hướng dẫn này, nếu một địa phương cung cấp đầy đủ tài liệu đánh giá của chỉ tiêu này thì số lượng nghị quyết, quyết định rất nhiều, nhất là những thời điểm như dịch covid-19 có rất nhiều quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, những quyết định này chỉ phản ánh và liên quan đến một bộ phận người dân do vậy chỉ tiêu này chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong công tác tập hợp, lưu trữ tài liệu đánh giá. Đề xuất: sửa đổi phần nội dung, cách tính điểm và tài liệu đánh giá đối với chỉ tiêu này như sau:

Tù			Thành		
Nội dung, cách tính điểm	Điểm số	Tài liệu đánh giá	Nội dung, cách tính điểm	Điểm số	Tài liệu đánh giá
a) Đạt 100%	7 điểm	- Các văn bản hành chính do chính	a) Không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và không	7 điểm	Các văn bản của cơ quan có thẩm

		quyền cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	có đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân		quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính; đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân (nếu có).
b) Từ 95% đến dưới 100%	6 điểm		b) Có 01 (một) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và 01 (một) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân	6 điểm	
c) Từ 90% đến dưới 95%	5 điểm	giao ban hành văn bản hành chính cho chính quyền cấp xã (nếu có).	c) Có 02 (hai) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và 02 (hai) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân	5 điểm	
d) Từ 85% đến dưới 90%	4 điểm	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi	d) Có 03 (ba) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và từ 03 (ba) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân	4 điểm	
đ) Từ 80% đến dưới 85%	3 điểm	bỏ văn bản hành chính; đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân (nếu có).	đ) Có 04 (bốn) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và 04 (bốn) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân	3 điểm	
e) Từ 75% đến dưới 80%	2 điểm		e) Có 05 (năm) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và 05 (năm) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh	2 điểm	

			của tổ chức, cá nhân		
g) Từ 70% đến dưới 75%	1 điểm		g) Có 06 (sáu) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và 06 (sáu) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân	1 điểm	
h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25 điểm		h) Có 07 (bảy) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và 07 (bảy) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân	0,25 điểm	
i) Dưới 50%	0 điểm		i) Có từ 8 (tám) văn bản bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính hoặc/và từ 08 (tám) đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân	0 điểm	

- Theo hướng dẫn tại Mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP, tài liệu đánh giá Chỉ tiêu 6 Tiêu chí 2 (Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật) là: (1) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật; (2) Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; (3) Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt. Thực tế triển khai thực hiện cho thấy, tài liệu là “*Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt;*” là không cần thiết, lý do: Trong năm, xã, phường xây dựng dự toán kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhưng thực tế sau khi được cấp trên phân bổ kinh phí, địa phương có hoặc không có văn bản phân bổ phần kinh phí cho công tác này và trong tài liệu đánh giá có thể hiện chứng từ chi cho công tác này. Do vậy, để đảm bảo chặt chẽ trong việc đánh giá chỉ tiêu 6 (Tiêu chí 2), UBND thành phố đề xuất sửa đổi nội dung tài liệu đánh giá này

như sau: từ “*Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt*” thành “*chứng từ, tài liệu thực hiện chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*”.

- Chỉ tiêu 2, tiêu chí 3 gồm có 3 nội dung; trong đó, nội dung 1: “Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định” (điểm tối đa: 1 điểm). Qua thực tiễn triển khai thực hiện hơn 02 năm qua, UBND thành phố đánh giá nội dung này không phản ánh được hiệu quả việc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật. Do đó, đề xuất, chuyển điểm số nội dung này vào nội dung 2 và nội dung 3 của chỉ tiêu này, cụ thể:

+ Nội dung 2: “Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”:

Nội dung, cách tính điểm	Từ	Thành
a) Đạt 100%:	1,5 điểm	2 điểm
b) Từ 90% đến dưới 100%:	1 điểm	1,5 điểm
c) Từ 80% đến dưới 90%:	0,75 điểm	1 điểm
d) Từ 70% đến dưới 80%:	0,5 điểm	0,75 điểm
đ) Từ 50% đến dưới 70%:	0,25 điểm	0,5 điểm
e) Dưới 50%:	0 điểm	0 điểm

+ Nội dung 3: “Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”:

Nội dung, cách tính điểm	Từ	Thành
a) Đạt 100%:	1,5 điểm	2 điểm
b) Từ 90% đến dưới 100%:	1 điểm	1,5 điểm
c) Từ 80% đến dưới 90%:	0,75 điểm	1 điểm
d) Từ 70% đến dưới 80%:	0,5 điểm	0,75 điểm
đ) Từ 50% đến dưới 70%:	0,25 điểm	0,5 điểm
e) Dưới 50%:	0 điểm	0 điểm

- Phiếu lấy ý kiến đánh giá mô hình, hình thức PBGDPL hiệu quả: Tại điểm d khoản 1 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định mẫu số 04: Phiếu lấy ý kiến đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở và tại mục ghi chú (2) quy định đối tượng lấy ý kiến gồm “*đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp*

xã, đại diện các thôn, tổ dân phố... ”. Tuy nhiên, để thuận lợi cho quá trình tổng hợp và theo dõi, hướng dẫn việc lấy ý kiến của đại diện các cơ quan, đơn vị này của UBND xã, phường, UBND thành phố đề xuất bổ sung nội dung thông tin của đại diện các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến tại Phiếu này; đồng thời, hướng dẫn cụ thể trường hợp mô hình, hình thức PBGDPL đang được triển khai áp dụng tại một số thôn, tổ dân phố thì việc lấy ý kiến này được thực hiện đối với đại diện các thôn, tổ dân phố có mô hình, hình thức PBGDPL hay tất cả các thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Qua thực tiễn công tác triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ Tư pháp có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

a) Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật đảm bảo sự nhất quán, đồng bộ, thống nhất chặt chẽ, kịp thời.

b) Đẩy mạnh và phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thành phố và UBND các xã, phường, giữa công chức được giao nhiệm vụ làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện nhiệm vụ chuẩn tiếp cận pháp luật với công chức chuyên môn được phân công phụ trách từng chỉ tiêu, tiêu chí.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật nói riêng và trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung.

d) Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát nhiệm vụ đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng kết rút kinh nghiệm, kịp thời khen thưởng để động viên, khuyến khích những tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị là thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thành phố và UBND các xã, phường triển khai thực hiện Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đồng thời, xác định nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh sự phối hợp của các công chức chuyên môn thành phố và xã, phường trong việc thực hiện nhiệm vụ, gắn nhiệm vụ này với nhiệm vụ nâng cao thứ hạng

các chỉ số cải cách hành chính của thành phố và xã, phường và là một trong những tiêu chí để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá thực trạng thực hiện nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận của các địa phương, tránh hình thức.

3. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ Tư pháp (nếu cần thiết); thường xuyên theo dõi, kịp thời hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Tư pháp những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Sở Tư pháp tổ chức tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kịp thời quan tâm, hướng dẫn UBND thành phố giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Sở Tư pháp kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn cụ thể những nội dung nêu tại khoản 2 Mục II Báo cáo này; đồng thời, kiến nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng, triển khai Phần mềm đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và quan tâm, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật về tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; chuẩn văn minh đô thị theo hướng tạo điều kiện cho các địa phương hoàn thành nhiệm vụ, tránh hình thức, chạy theo thành tích.

UBND thành phố kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Tư pháp;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP.HĐND&UBND t/phố: C, PCVP, CV(NC);
- Thành viên HĐ đánh giá chuẩn TCPL t/phố;
- Lưu VT, TP.ntt.

CHỦ TỊCH

Trà Thanh Danh